

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TH  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04/9/2019

*“V/v ly hôn, nuôi con chung”*

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH, TỈNH HẢI DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Đỗ Trường Giang.

*Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Công Nhận.

Bà Nguyễn Thị Bình.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Hoàng Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TH.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH tham gia phiên toà:** Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Anh Đào Ngọc H, sinh năm 1990

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, trú tại: Thôn C, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương.

2. **Bị đơn:** Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1990

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Trú tại: Thôn K, xã T, huyện TH, tỉnh Hải Dương

3. **Người làm chứng:**

- Ông Đào Ngọc I, sinh năm 1958

Trú tại: Thôn C, xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương.

- Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1961

Trú tại: Thôn K, xã T, huyện TH, tỉnh Hải Dương

*Anh H, ông I đề nghị xét xử vắng mặt. Chị N, bà O có mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án anh Đào Ngọc H trình bày:**

Anh và chị Đỗ Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P huyện G, tỉnh Hải Dương vào năm 2009. Đến năm 2014, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong việc ứng xử với gia đình hai bên nội, bên ngoại. Vợ chồng anh thường xuyên xảy ra tranh cãi, xô sát, tình cảm vợ chồng không còn, gia đình không có hạnh phúc. Đến tháng 5/2019, chị N đưa cả hai con về nhà mẹ đẻ chị N sinh sống. Xét thấy, vợ chồng không thể quay về đoàn tụ, nên anh H làm đơn ly hôn chị N.

**Về quan hệ con chung:** Anh và chị N có 02 con chung là Đào Thị Ngọc Q, sinh ngày 17/01/2010 và U, sinh ngày 29/4/2014. Sau khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện nay anh làm công nhân, thu nhập trung bình khoảng 6.000.000đ/tháng. Ngoài ra, anh được sự hỗ trợ từ phía bố mẹ anh trong việc trông nom, chăm sóc con và được tạo điều kiện về chỗ ở ổn định, lâu dài. Nếu Tòa án không chấp nhận giao cho anh nuôi cả hai con thì anh đề nghị được nuôi con chung là U, chị N nuôi con chung là Đào Thị Ngọc Q, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

**Về tài sản chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình:** Anh H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp với hai bên gia đình.

**Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai bị đơn chị Đỗ Thị N trình bày:** Chị nhất trí với lời trình bày của anh H về điều kiện, thời gian kết hôn. Từ năm 2014, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do hai bên bất đồng tính cách, lối sống dẫn đến tranh cãi, xô sát. Đến tháng 5/2019, chị nhận thấy không còn khả năng khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, chị đưa cả hai con về nhà mẹ đẻ tại xã T, huyện TH, tỉnh Hải Dương sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, gia đình không có khả năng đoàn tụ, anh H làm đơn ly hôn, chị đồng ý ly hôn.

**Về con chung:** Chị và anh H có 02 con chung như anh H đã trình bày là đúng sự thật. Hiện nay con đang ở với chị. Sau khi ly hôn, chị N có nguyện vọng muốn được nuôi dưỡng cả hai con chung. Hiện nay, chị N làm công nhân may, thu nhập trung bình 7.000.000đ/1 tháng. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị được sự hỗ trợ của mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Ngợi trong việc trông nom, chăm sóc con chung.

**Về tài sản chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình:** Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp với hai bên gia đình.

**Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy:** Tháng 5/2019, chị N và anh H

có mâu thuẫn nên chị N đã đưa hai con của chị về sinh sống tại nhà mẹ đẻ của chị. Mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng tính cách, trong cuộc sống thường ngày vợ chồng anh chị đã nhiều lần xảy ra xô sát, tranh cãi, đến nay không có biện pháp nào có thể cải thiện tình trạng mâu thuẫn của chị N, anh H.

**Người làm chứng bà Nguyễn Thị Ngợi (mẹ đẻ chị N) trình bày:** Chị N và anh H hiện nay mâu thuẫn trầm trọng, không còn chung sống, nguyên nhân là do anh, chị bất đồng lối sống, tính cách, thường xuyên xảy ra tranh cãi, xô sát. Đến nay, chị N đã đưa cả hai con về nhà bà sinh sống. Bà đề nghị Tòa án giải quyết chị N, anh H ly hôn sớm để anh, chị ổn định cuộc sống. Đối với con chung, bà Ngợi đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị N nuôi dưỡng. Bà sẽ giúp đỡ chị N trong việc chăm sóc các cháu và tạo điều kiện cho chị N về chỗ ở lâu dài, ổn định.

**Người làm chứng ông Đào Ngọc Hiền (bố đẻ anh H) trình bày:** Trong thời gian anh H, chị N còn chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không tin tưởng nhau về kinh tế và tình cảm. Đề nghị Tòa án giải quyết anh H, chị N ly hôn sớm và giao anh H nuôi dưỡng cả hai con chung, gia đình ông sẽ giúp anh H trông nom các cháu và tạo điều kiện cho anh H cùng các cháu về chỗ ở ổn định, lâu dài.

Tại phiên toà, nguyên đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn giữ nguyên quan điểm đồng ý ly hôn và xin nuôi cả hai con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Viết tắt: BLTTDS).

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Đào Ngọc H ly hôn chị Đỗ Thị N; về con chung: Giao con chung là Đào Thị Ngọc Q cho chị Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là U cho anh Đào Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng; Anh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn, người làm chứng vắng mặt và đều có ý kiến đề nghị xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Ngọc H và chị Đỗ Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện G, tỉnh Hải Dương, nên có đủ cơ sở xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của anh H, chị N và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX thấy rằng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N và anh H bất đồng tính cách, lối sống. Hiện nay, hai bên sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, không có biện pháp nào cải thiện tình trạng quan hệ hôn nhân giữa hai người. Các đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn sớm, không cần tiến hành hòa giải thêm. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định: Tình trạng quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX xử anh H ly hôn chị N là phù hợp quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Anh H, chị N có 02 con chung là Đào Thị Ngọc Q, sinh ngày 17/01/2010 và U, sinh ngày 29/4/2014. Anh H và chị N đều có thu nhập ổn định, tương đương nhau và đều được bố mẹ hai bên hỗ trợ trong việc chăm sóc con và được tạo điều kiện về chỗ ở lâu dài. Cháu Đào Thị Ngọc Q có nguyện vọng ở với chị N. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con chung Đào Thị Ngọc Q cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu U cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao con chung là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H, chị N không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh H, chị N không có tài sản chung, nợ chung, công sức nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Đào Ngọc H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Đào Ngọc H ly hôn chị Đỗ Thị N.
2. Về quan hệ con chung: Giao anh Đào Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là U, sinh ngày 29/4/2014; giao chị Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng,

chăm sóc con chung là Đào Thị Ngọc Q, sinh ngày 17/01/2010 kể từ tháng 9 năm 2019 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đào Ngọc H và chị Đỗ Thị N không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Đào Ngọc H và chị Đỗ Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đào Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Đào Ngọc H đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0005602 ngày 08/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TH, tỉnh Hải Dương. Anh H đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện TH;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện TH;
- UBND xã P, huyện G;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Đỗ Trường Giang**